

CÔNG TY CỔ PHẦN TIE  
52 THÀNH THÁI - Q.10 - TP.HCM



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**Quý 1 năm 2015**



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015

Đơn vị tính: VNĐ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>258.082.964.500</b>	<b>260.416.340.495</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>86.958.329.180</b>	<b>96.414.163.868</b>
1. Tiền	111		5.458.329.180	12.414.163.868
2. Các khoản tương đương tiền	112		81.500.000.000	84.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>440.550.000</b>	<b>440.550.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	1.423.652.470	1.423.652.470
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn	122	V.3	(983.102.470)	(983.102.470)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu</b>	<b>130</b>		<b>100.369.740.897</b>	<b>82.911.200.970</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.4	87.900.973.928	77.389.209.804
2. Trả trước cho người bán	132	V.5	11.810.874.584	5.517.083.102
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.6	-	609.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.7	7.514.589.402	6.252.605.081
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi ( * )	137	V.8	(6.972.558.059)	(6.972.558.059)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		115.861.042	115.861.042
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>61.343.976.249</b>	<b>71.234.724.512</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.9	65.728.013.357	76.709.130.679
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.10	(4.384.037.108)	(5.474.406.167)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>8.970.368.174</b>	<b>9.415.701.145</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	469.778.413	235.597.915
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.685.840.230	5.365.353.699
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		3.814.749.531	3.814.749.531
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2015

<b>B - TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>120.532.298.436</b>	<b>114.963.268.047</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>560.000.001</b>	<b>310.000.000</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
4. Phải thu về cho vay dài hạn	214		-	-
5. Phải thu dài hạn khác	215		560.000.001	310.000.000
6. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi ( * )	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>22.870.499.099</b>	<b>23.304.571.856</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.12	18.154.469.454	18.567.079.890
<i>Nguyên giá</i>	222		30.016.978.951	30.016.978.951
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11.862.509.497)	(11.449.899.061)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.13	4.716.029.645	4.737.491.966
<i>Nguyên giá</i>	228		5.380.992.840	5.380.992.840
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(664.963.195)	(643.500.874)
			-	-
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	V.15	<b>24.900.163.782</b>	<b>25.044.277.077</b>
<i>Nguyên giá</i>	231		28.610.873.830	28.610.873.830
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(3.710.710.048)	(3.566.596.753)
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>	V.14	<b>20.559.781.280</b>	<b>16.910.718.981</b>
1. Chi phí sản xuất kinh doanh dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		20.559.781.280	16.910.718.981
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>50.203.488.770</b>	<b>47.692.088.770</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.16	27.591.400.000	25.080.000.000
4. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.17	28.062.922.348	28.062.922.348
5. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn ( * )	254	V.18	(5.450.833.578)	(5.450.833.578)
6. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.438.365.504</b>	<b>1.701.611.363</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.19	1.438.365.504	1.701.611.363
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>378.615.262.936</b>	<b>375.379.608.542</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 32 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2015

NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>114.952.498.403</b>	<b>111.955.441.559</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>112.952.498.403</b>	<b>109.955.441.559</b>
1. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	311 V.20	58.410.776.892	76.212.534.363
2. Phải trả người bán ngắn hạn	312 V.21	47.859.645.932	22.495.092.032
3. Người mua trả tiền trước	313 V.22	1.460.623.629	311.800.247
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314 V.23	147.281.693	191.319.319
5. Phải trả người lao động	315	-	529.898.833
6. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	1.643.708.723	2.944.577.805
7. Phải trả nội bộ ngắn hạn	317	-	-
8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-
9. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	319	-	-
10. Phải trả ngắn hạn khác	320 V.24	3.430.461.534	4.107.510.121
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	-	3.162.708.839
13. Quỹ bình ổn giá	323	-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324	-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>	<b>2.000.000.000</b>	<b>2.000.000.000</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331	-	-
2. Chi phí phải trả dài hạn	332	-	-
3. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	333	-	-
4. Phải trả nội bộ dài hạn	334	-	-
5. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	335	-	-
6. Phải trả dài hạn khác	336	-	-
7. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	337	-	-
8. Trái phiếu chuyển đổi	338	-	-
9. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	339	-	-
10. Dự phòng phải trả dài hạn	340	-	-
11. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	341	2.000.000.000	2.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

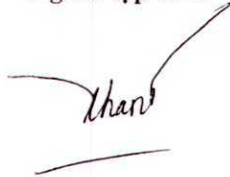
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2015

<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>263.662.764.533</b>	<b>263.424.166.983</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>263.662.764.533</b>	<b>263.424.166.983</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.25	95.699.000.000	95.699.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ ( * )	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.25	147.214.109.765	147.214.109.765
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.25	20.749.654.768	20.511.057.218
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		20.511.057.218	20.511.057.218
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		238.597.550	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>439</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>378.615.262.936</b>	<b>375.379.608.542</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2015

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 1		Đơn vị tính: VND	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
			Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này			
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	60.927.046.107	52.337.092.513	60.927.046.107	52.337.092.513
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	131.208.069	237.293.353	131.208.069	237.293.353
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		60.795.838.038	52.099.799.160	60.795.838.038	52.099.799.160
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	57.923.950.675	49.614.685.127	57.923.950.675	49.614.685.127
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		2.871.887.363	2.485.114.033	2.871.887.363	2.485.114.033
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	1.102.214.078	9.989.993.852	1.102.214.078	9.989.993.852
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	1.194.699.949	1.468.785.671	1.194.699.949	1.468.785.671
<i>Trong đó: chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.172.405.968</i>	<i>1.375.570.611</i>	<i>1.172.405.968</i>	<i>1.375.570.611</i>
8. Chi phí bán hàng	24	VI.6	5.321.708.489	4.713.029.493	5.321.708.489	4.713.029.493
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.7	3.630.371.782	3.465.472.799	3.630.371.782	3.465.472.799
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(6.172.678.779)	2.827.819.922	(6.172.678.779)	2.827.819.922
11. Thu nhập khác	31	VI.8	6.436.776.792	2.317.033.980	6.436.776.792	2.317.033.980
12. Chi phí khác	32	VI.9	25.500.463	130.756.696	25.500.463	130.756.696
13. Lợi nhuận khác	40		6.411.276.329	2.186.277.284	6.411.276.329	2.186.277.284
14. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			-	-	-	-
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		238.597.550	5.014.097.206	238.597.550	5.014.097.206

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Quý 1		Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
		Năm nay		Năm nay	
		Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	-	-	-	-
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	-	-	-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	238.597.550	5.014.097.206	238.597.550	5.014.097.206
18.1 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông công ty mẹ		238.597.550	5.014.097.206	238.597.550	5.014.097.206
18.2 Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		-	-	-	-
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	25	524	25	524

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2015



Tổng Giám đốc



Phạm Quốc Vinh

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 1 năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		53.089.946.953	84.512.721.848
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(32.033.027.586)	(148.642.715.347)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(6.759.647.073)	(9.881.217.661)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(1.172.405.968)	(1.478.370.912)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		-	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		6.713.697.532	2.604.858.959
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(8.332.115.124)	(7.216.194.621)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>11.506.448.734</b>	<b>(80.100.917.734)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(500.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		(1.902.400.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.095.389.049	37.679.074.892
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(1.307.010.951)</b>	<b>37.679.074.892</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thanh Thái, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM

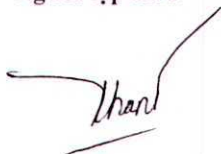
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2015

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		18.203.721.427	112.112.223.811
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(36.005.478.898)	(47.673.291.271)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(1.853.515.000)	(2.609.816.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(19.655.272.471)</b>	<b>61.829.116.540</b>
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(9.455.834.688)	19.407.273.698
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	V.1	96.414.163.868	96.932.405.743
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>86.958.329.180</b>	<b>116.339.679.441</b>

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu



Huỳnh Bảo Khánh

Kế toán trưởng



Phạm Thúy Oanh

Tổng giám đốc



Vũ Quốc Vinh

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Quý 1 năm 2015

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cổ phần TIE bao gồm báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần TIE (Công ty mẹ) và Báo cáo tài chính của Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn ( Công ty con ) ( gọi chung là tập đoàn) .

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

Hình thức sở hữu vốn của Công

1. **ty mẹ** : Công ty Cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất -thương mại
3. **Ngành nghề kinh doanh** : Thiết kế sản xuất, gia công lắp ráp và kinh doanh các mặt hàng điện tử dân dụng; Cho thuê nhà xưởng, kho bãi; Đại lý ký gửi hàng hóa; Tư vấn và thiết kế phần mềm máy tính cũng như mạng máy tính.
4. **Tổng số các công ty con:** 01  
*Trong đó:*  
Số lượng các công ty con được hợp nhất: 01
- 5 **Danh sách các công ty con được hợp nhất:**

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn	760 Điện Biên Phủ, Phường 10, Quận 10, Tp.HCM	51%	51%

### II. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. **Kỳ kế toán**  
Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 03 năm 2015.
2. **Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán : đồng Việt Nam (VND)**

### III CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Chế độ kế toán áp dụng**  
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
2. **Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**  
  
Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.
3. **Hình thức kế toán áp dụng**  
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

#### IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

##### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

##### 2. Cơ sở hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính tổng hợp của Công ty cổ phần TIE ( Công ty mẹ ) và Công ty TNHH Giải Pháp Thông Minh Sài Gòn ( Công ty con ). Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

##### 3. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi.

##### 4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp tính giá hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

#### 5. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

#### 6. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	08-50
Máy móc và thiết bị	5 - 8
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3-5

#### 7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

Bất động sản đầu tư là các quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao là 50 năm.

## 9. Tài sản cố định vô hình

### *Phần mềm máy tính*

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao trong 10 năm.

### *Bản quyền phần mềm máy tính*

Bản quyền phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra để mua bản quyền sử dụng phần mềm Microsoft. Chi phí này được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 10 năm.

### *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không tính khấu hao đối với diện tích 173,3 m<sup>2</sup> đất tại 249 Nguyễn Trung Trực, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang và diện tích 70,4 m<sup>2</sup> đất tại tổ 74, Phường Vĩnh Trung, Quận Thanh Khê, TP. Đà Nẵng.

## 10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

## 11. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và công ty liên kết được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các công ty liên kết được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

## 12. Chi phí trả trước dài hạn

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

## 13. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải

## 14. Trợ cấp thôi việc và Bảo hiểm thất nghiệp

Công ty chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Công ty từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng 1/2 tháng lương cộng phụ cấp lương ( nếu có ) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải chi trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

## 15. Nguồn vốn kinh doanh

Nguồn vốn kinh doanh là vốn đầu tư của chủ sở hữu và được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

## 16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

## 17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

### **Thuế thu nhập hiện hành**

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

### **Thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

#### 18. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá thực tế tại ngày phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

#### 19. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu và thu nhập

##### *Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm*

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

##### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn các yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

##### *Tiền lãi*

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

##### *Cổ tức và lợi nhuận được chia*

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

#### 20. Tài sản tài chính

##### *Phân loại tài sản tài chính*

Việc phân loại các tài sản tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản cho vay và khoản phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

*Các khoản cho vay và phải thu*

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi tái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

*Tài sản tài chính sẵn sàng để bán*

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi tái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

**Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính**

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

**21. Nợ phải trả tài chính**

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính bao gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

**22. Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

**23. Báo cáo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

**24. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII



**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN  
V. HỢP NHẤT****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tiền mặt	441.443.425	524.746.003
Tiền gửi ngân hàng	5.016.885.755	11.889.417.865
Các khoản tương đương tiền	81.500.000.000	84.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>86.958.329.180</b>	<b>96.414.163.868</b>

**2. Đầu tư ngắn hạn**

	<u>31/03/2015</u>		<u>01/01/2015</u>	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Cty CP XD-KD Địa ốc Hòa Bình (HBC)	16	60.000	16	60.000
NH TM CP Sài Gòn Thương Tín (STB)	22.805	443.592.470	22.805	443.592.470
Cty CP CK Đại Việt	20.000	980.000.000	20.000	980.000.000
<b>Cộng</b>		<b>1.423.652.470</b>		<b>1.423.652.470</b>

**3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn**

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Dự phòng cho đầu tư chứng khoán ngắn hạn	(983.102.470)	(983.102.470)

**4. Phải thu khách hàng**

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tại Công ty mẹ	85.468.699.988	74.955.581.304
Tại công ty con	2.432.273.940	2.433.628.500
<b>Cộng</b>	<b>87.900.973.928</b>	<b>77.389.209.804</b>

**5. Trả trước cho người bán**

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tại Công ty mẹ	11.411.704.584	2.563.624.022
Tại công ty con	399.170.000	2.953.459.080
<b>Cộng</b>	<b>11.810.874.584</b>	<b>5.517.083.102</b>

**6. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Công ty CP Đầu tư TIE-EXIM	-	609.000.000
	-	609.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thanh Thai, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**7. Các khoản phải thu khác**

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Bảo hiểm xã hội phải thu	-	26.615.590
Công ty chứng khoán Ngân hàng Đông Á	79.206.189	80.052.361
Công Ty Cổ Phần Viễn Thông Thế Hệ Mới (NGT-Cor.)(*)	3.210.000.000	3.210.000.000
Tạm ứng	360.525.395	514.908.142
Thù Lao Hội Đồng Quản Trị	43.857.108	-
Công ty TNHH MTV Du lịch Liên Lạc Địa	611.050.822	719.882.831
Cty Cổ Phần Vĩnh Tiến	1.317.201.398	1.317.201.398
Tạm chi quỹ khen thưởng phúc lợi	67.772.131	-
Các khoản phải thu khác	1.824.976.359	383.944.759
<b>Cộng</b>	<b><u>7.514.589.402</u></b>	<b><u>6.252.605.081</u></b>

(\*) Khoản phải thu Cty CP Viễn thông Thế hệ mới (NGT Cor.) đã được lập dự phòng từ năm 2008 do khó có khả năng thu hồi.

**8. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi**

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
<i>Dự phòng nợ phải thu khó có khả năng thu hồi của:</i>		
Khoản phải thu Cty CP thể hệ mới NGT	(3.210.000.000)	(3.210.000.000)
Khoản phải thu Cty CP Điện máy - Máy tính Viễn Thông Hợp Nhất	(139.430.001)	(139.430.001)
Khoản phải thu các khách hàng khác	(3.623.128.058)	(3.623.128.058)
<b>Cộng</b>	<b><u>(6.972.558.059)</u></b>	<b><u>(6.972.558.059)</u></b>

**9. Hàng tồn kho**

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Hàng mua đang đi trên đường	4.279.600	130.830.000
Nguyên liệu, vật liệu	554.161.011	553.300.247
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	94.947.050	94.947.050
Thành phẩm	817.052.558	1.215.404.043
Hàng hóa	64.257.573.138	74.714.649.339
<b>Cộng</b>	<b><u>65.728.013.357</u></b>	<b><u>76.709.130.679</u></b>

**10. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho**

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
	(4.384.037.108)	(5.474.406.167)

**11. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	<u>Đầu kỳ 01/01/2015</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Kết chuyển trong kỳ</u>	<u>Cuối kỳ 31/03/2015</u>
Tại Công ty mẹ	234.404.579	780.292.839	545.664.843	469.032.575
Tại công ty con	1.193.336		447.498	745.838
<b>Cộng</b>	<b><u>235.597.915</u></b>	<b><u>780.292.839</u></b>	<b><u>546.112.341</u></b>	<b><u>469.778.413</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thanh Thai, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**12. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
1. Số đầu kỳ	20.018.470.793	2.093.734.658	6.831.314.587	1.073.458.913	30.016.978.951
2. Tăng trong kỳ	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
4. Số cuối kỳ	20.018.470.793	2.093.734.658	6.831.314.587	1.073.458.913	30.016.978.951
<i>Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	1.455.527.339	548.147.166	511.186.807	692.420.929	3.207.282.241
<b>Giá trị hao mòn</b>					
Số đầu kỳ	7.103.184.783	742.800.514	2.802.428.636	801.485.128	11.449.899.061
Tăng trong kỳ	177.581.331	55.457.339	160.519.863	19.051.903	412.610.436
Giảm trong kỳ	-	-	-	-	-
Số cuối kỳ	7.280.766.114	798.257.853	2.962.948.499	820.537.031	11.862.509.497
<b>Giá trị còn lại</b>					
Số đầu kỳ	12.915.286.010	1.350.934.144	4.028.885.951	271.973.785	18.567.079.890
Số cuối kỳ	12.737.704.679	1.295.476.805	3.868.366.088	252.921.882	18.154.469.454

**13. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình**

	Phần mềm QTDN	Quyền sử dụng đất	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	858.492.840	4.522.500.000	5.380.992.840
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu kỳ	643.500.874	-	643.500.874
Tăng trong kỳ	21.462.321	-	21.462.321
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số cuối kỳ	664.963.195	-	664.963.195
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu kỳ	214.991.966	4.522.500.000	4.737.491.966
Số cuối kỳ	193.529.645	4.522.500.000	4.716.029.645

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

	Số đầu kỳ 01/01/2015	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển trong kỳ	Số cuối kỳ 31/03/2015
Khu giải trí và hàng lưu niệm CNPQ	11.380.225.841	1.789.679.502	-	13.169.905.343
Showroom tại CN Hà Nội	97.016.000	-	97.016.000	-
TT điều hành du lịch và Văn phòng	5.343.454.546	1.956.398.797	-	7.299.853.343
Các công trình khác	90.022.594	-	-	90.022.594
<b>Cộng</b>	<b>16.910.718.981</b>	<b>3.746.078.299</b>	<b>97.016.000</b>	<b>20.559.781.280</b>

**15. Tăng, giảm bất động sản đầu tư**

	Số đầu kỳ 01/01/2014	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ 31/12/2014
Nguyên giá	28.610.873.830	-	-	28.610.873.830
Giá trị hao mòn	3.566.596.753	144.113.295	-	3.710.710.048
Giá trị còn lại	25.044.277.077	-	-	24.900.163.782

**Bất động sản đầu tư gồm:**

- Quyền sử dụng thửa đất tại đường Dương Đông – An Thới, khu phố 7, thị trấn Dương Đông, huyện Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang với tổng diện tích 7.825,9 m<sup>2</sup>. Thời gian sử dụng đất là 50 năm kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2007 đến ngày 10 tháng 12 năm 2057.
- Quyền sử dụng đất đối với 38.887,9 m<sup>2</sup> đất tại phường Bình Chuẩn, huyện Thuận An, tỉnh Bình Dương với thời gian sử dụng đất là 50 năm.

**16. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh**

	31/03/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
- Công ty CP Đầu Tư TIE-EXIM		12.951.400.000		10.440.000.000
- Cty TNHH Vĩnh Tiến - TIE		14.640.000.000		14.640.000.000
<b>Cộng</b>		<b>27.591.400.000</b>		<b>25.080.000.000</b>

\* Theo Giấy chứng nhận số 0311278495 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư TIE – EXIM 12.951.400.000 VND. Công ty đã đầu tư bằng các khoản chi hộ, tiền mặt và giá trị chi phí đền bù giải phóng mặt bằng.

\* Theo Giấy chứng nhận số 0801093503 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Hải Dương cấp, Công ty đã góp vốn vào Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE với số tiền 14.640.000.000 VND.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**17. Đầu tư dài hạn khác**

<i>Đầu tư cổ phiếu</i>	31/03/2015		01/01/2015	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
NH TMCP Xuất nhập khẩu VN	730.078	8.182.728.448	730.078	8.182.728.448
Cty CP vận chuyển Saigon Tourist	43.312	448.741.100	43.312	448.741.100
Cty CP DV Bưu chính VT Sài Gòn	1.431.327	8.674.710.000	1.431.327	8.674.710.000
Cty CP BĐS Sài Gòn Đông Dương	850.000	8.500.000.000	850.000	8.500.000.000
Cty CP Văn hóa Tân Bình	43.642	2.256.742.800	39.675	2.256.742.800
<b>Cộng</b>		<b>28.062.922.348</b>		<b>28.062.922.348</b>

Lý do thay đổi các khoản đầu tư tài chính dài hạn:

- Cổ phiếu Cty CP Văn hóa Tân Bình tăng do trong kỳ nhận cổ tức bằng cổ phiếu với số lượng 3.967 CP.

**18. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn**

	31/03/2015	01/01/2015
Dự phòng đầu tư chứng khoán dài hạn	(5.450.833.578)	(5.450.833.578)

**19. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số đầu kỳ 01/01/2015	Tăng trong kỳ	K/chuyển vào cphi SX trong kỳ	Số cuối kỳ 31/03/2015
Tại Công ty mẹ	1.699.704.695	862.547.728	1.125.614.838	1.436.637.585
Tại công ty con	1.906.668		178.749	1.727.919
<b>Cộng</b>	<b>1.701.611.363</b>	<b>862.547.728</b>	<b>1.125.793.587</b>	<b>1.438.365.504</b>

**20. Vay và nợ ngắn hạn**

	31/03/2015	01/01/2015
Vay ngắn hạn NHTM cổ phần Công thương VN - CN TPHCM	27.876.173.640	42.727.685.454
Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Phương Đông	30.534.603.252	33.484.848.909
	<b>58.410.776.892</b>	<b>76.212.534.363</b>

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để phục vụ kế hoạch kinh doanh thông qua Hợp đồng tín dụng số 14.1950011/HĐTDHM-TIE ngày 19 tháng 06 năm 2014.

Khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Phương Đông để phục vụ kế hoạch kinh doanh thông qua Hợp đồng cho vay theo hạn mức tín dụng số 111.14.00003/2014/HĐTDHM ngày 20 tháng 03 năm 2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**21. Phải trả người bán**

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tại Công ty mẹ	47.639.649.932	22.275.096.032
Tại công ty con	219.996.000	219.996.000
<b>Cộng</b>	<b><u>47.859.645.932</u></b>	<b><u>22.495.092.032</u></b>

**22. Người mua trả tiền trước**

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Tại Công ty mẹ	1.460.623.629	311.800.247
<b>Cộng</b>	<b><u>1.460.623.629</u></b>	<b><u>311.800.247</u></b>

**23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	<u>Số đầu kỳ 01/01/2015</u>	<u>Số phải nộp trong kỳ</u>	<u>Số đã nộp trong kỳ</u>	<u>Số cuối kỳ 31/03/2015</u>
- Thuế GTGT hàng bán nội địa	14.932.536	1.254.659	16.187.195	-
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu	3.929.374	2.038.917.177	2.042.846.551	-
- Thuế xuất, nhập khẩu	626.876	383.851	1.010.727	-
- Thuế TNDN tại công ty mẹ	(3.802.497.075)			(3.802.497.075)
- Thuế TNDN tại công ty con	(12.252.456)			(12.252.456)
- Thuế thu nhập cá nhân	171.830.533	570.868.276	595.417.116	147.281.693
- Tiền thuê đất, thuế nhà đất	-			-
- Các loại thuế khác	-	12.500.000	12.500.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>(3.623.430.212)</u></b>	<b><u>2.623.923.963</u></b>	<b><u>2.667.961.589</u></b>	<b><u>(3.667.467.838)</u></b>

**24. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

	<u>31/03/2015</u>	<u>01/01/2015</u>
Kinh phí công đoàn	30.764.693	28.666.436
Thù Lao Hội Đồng Quản Trị	-	52.142.892
Chi Cổ Tức Cho Cổ Đông	2.046.796.107	3.900.511.857
Các khoản phải trả khác	1.352.900.734	126.188.936
<b>Cộng</b>	<b><u>3.430.461.534</u></b>	<b><u>4.107.510.121</u></b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thanh Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**25. Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu kỳ ( 01/01/2015 )	95.699.000.000	142.068.984.401	5.145.125.364	20.511.057.218
Lợi nhuận tăng trong kỳ				238.597.550
Sử dụng quỹ dự phòng tài chính bù đắp khoản tổn thất liên quan đến vụ án Phạm Văn Hoàng				
Chia cổ tức năm 2013				
Số dư cuối kỳ ( 31/03/2015 )	95.699.000.000	142.068.984.401	5.145.125.364	20.749.654.768

**Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

		Tỷ lệ (%)
Vốn đầu tư của Nhà nước	66.990.000.000	70%
Vốn góp của các cổ đông	28.709.000.000	30%
Cộng	95.699.000.000	100%

**26 Lợi ích của cổ đông thiểu số**

Tới thời điểm ngày 31 tháng 03 năm 2015, các cổ đông thiểu số của Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn chưa góp vốn và các bên có thỏa thuận Công ty Cổ phần TIE sẽ được hưởng toàn bộ lợi nhuận cũng như chịu toàn bộ khoản lỗ phát sinh trong kỳ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thanh Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****1. Doanh thu**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
<b>Tổng doanh thu</b>	<b>60.927.046.107</b>	<b>52.337.092.513</b>
Doanh thu Văn phòng Công ty Cổ phần TIE	55.711.939.362	46.118.799.293
- <i>Doanh thu bán hàng hóa</i>	50.825.780.011	44.693.532.540
- <i>Doanh thu bán thành phẩm</i>	366.283.655	433.619.882
- <i>Doanh thu cung cấp dịch vụ</i>	4.519.875.696	984.737.781
- <i>Doanh thu khác</i>	-	6.909.090
Doanh thu của Chi nhánh Phú Quốc	3.657.432.048	4.439.814.374
Doanh thu của Chi nhánh Hà Nội	629.703.534	1.607.978.393
Doanh thu của Chi nhánh Cần Thơ	80.800.010	67.655.003
Doanh thu của Chi nhánh Đà Nẵng	139.320.753	102.845.450
Doanh thu của Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	707.850.400	-
<b>Các khoản giảm trừ doanh thu</b>	<b>131.208.069</b>	<b>237.293.353</b>
- <i>Chiết khấu thương mại</i>	345.455	-
- <i>Hàng bán bị trả lại</i>	130.862.614	237.293.353
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>60.795.838.038</b>	<b>52.099.799.160</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
<b>Giá vốn của Văn phòng Công ty Cổ phần TIE</b>	<b>53.282.902.250</b>	<b>43.850.542.561</b>
- <i>Giá vốn thành phẩm đã cung cấp</i>	511.024.850	492.923.538
- <i>Giá vốn của hàng hóa đã cung cấp</i>	49.623.532.790	42.599.240.786
- <i>Giá vốn dịch vụ đã cung cấp</i>	3.148.344.610	758.378.237
Giá vốn Chi nhánh Phú Quốc	3.130.084.245	4.199.322.690
Giá vốn Chi nhánh Hà Nội	618.153.244	1.412.683.602
Giá vốn Chi nhánh Cần Thơ	74.297.683	61.080.332
Giá vốn Chi nhánh Đà Nẵng	124.559.653	91.055.942
Giá vốn của Công ty TNHH Giải pháp thông minh Sài Gòn	693.953.600	-
<b>Cộng</b>	<b>57.923.950.675</b>	<b>49.614.685.127</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.084.450.692	1.570.793.063
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	11.644.494	19.200.789
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	8.400.000.000
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.118.892	-
<b>Cộng</b>	<b>1.102.214.078</b>	<b>9.989.993.852</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**4. Chi phí tài chính**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí lãi vay	1.172.405.968	1.375.570.611
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư	-	52.577.200
Lỗ chênh lệch tỷ giá	21.288.960	39.589.396
Chi phí khác	1.005.021	1.048.464
<b>Cộng</b>	<b>1.194.699.949</b>	<b>1.468.785.671</b>

**5. Chi phí bán hàng**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	1.915.092.464	2.148.144.326
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.676.030	11.029.649
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	226.431.705	206.368.967
Chi phí khấu hao tài sản cố định	255.630.626	241.079.891
Chi phí bảo hành	47.520.174	64.276.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	536.401.008	568.901.016
Chi phí bằng tiền khác	2.325.956.482	1.473.228.890
<b>Cộng</b>	<b>5.321.708.489</b>	<b>4.713.029.493</b>

**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	2.078.038.631	1.294.064.490
Chi phí vật liệu quản lý	25.227.552	47.573.201
Chi phí đồ dùng văn phòng	44.114.085	34.074.871
Chi phí khấu hao tài sản cố định	322.555.426	270.788.828
Thuế, phí và lệ phí	12.500.000	40.626.909
Chi phí dịch vụ mua ngoài	246.317.734	278.519.040
Chi phí bằng tiền khác	901.618.354	1.499.825.460
<b>Cộng</b>	<b>3.630.371.782</b>	<b>3.465.472.799</b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Thu hỗ trợ tiền bán hàng từ nhà sản xuất	4.433.218.667	2.311.041.178
Thu nhập khác	2.003.558.125	5.992.802
<b>Cộng</b>	<b>6.436.776.792</b>	<b>2.317.033.980</b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Kỳ này</u>	<u>Cùng kỳ năm trước</u>
Giá trị còn lại của tài sản nhượng bán, thanh lý	-	34.564.687
Chi phí khác	25.500.463	96.192.009
<b>Cộng</b>	<b>25.500.463</b>	<b>130.756.696</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý I năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**9. Giải trình lợi nhuận sau thuế của Báo cáo tài chính**

	Năm nay	Năm trước	Chênh lệch	
			Giá trị	Tỷ lệ %
Tổng doanh thu	68.334.828.908	64.406.826.992	3.928.001.916	6,10%
Tổng chi phí	68.096.231.358	59.392.729.786	8.703.501.572	14,65%
Lợi nhuận trước thuế	238.597.550	5.014.097.206	(4.775.499.656)	-95,24%
Lợi nhuận sau thuế	238.597.550	5.014.097.206	(4.775.499.656)	-95,24%

Lợi nhuận sau thuế quý I năm 2015 giảm so với cùng kỳ năm trước là 4.775 triệu đồng ( 95,24% ) vì:

- Tổng doanh thu tăng 3.928 triệu đồng, trong đó doanh thu bán hàng tăng 8.696 triệu đồng, doanh thu tài chính giảm 8.888 triệu đồng, thu nhập khác tăng 4.120 triệu đồng.

- Tổng chi phí tăng 8.703 triệu đồng, trong đó giá vốn hàng bán tăng 8.309 triệu đồng, chi phí lãi vay giảm 204 triệu đồng, chi phí bán hàng tăng 609 triệu đồng, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 165 triệu đồng.

**VINHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và kế toán trưởng Công ty cổ phần TIE.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
Tiền lương	382.177.000	270.060.000
Tiền thưởng	328.110.000	399.100.000
Tiền thù lao	75.000.000	485.000.000
<b>Cộng</b>	<b>785.287.000</b>	<b>1.154.160.000</b>

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty mẹ gồm:

**Bên liên quan**

Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EXIM

Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE

Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV

**Mối quan hệ**

Công ty liên kết

Công ty liên kết

Công ty mẹ

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau :

	Kỳ này	Cùng kỳ năm trước
<b>Tổng công ty Công nghiệp Sài Gòn - TNHH MTV</b>		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	644.940.781	96.531.812
Lãi vay	-	180.555.556
<b>Công ty TNHH Vĩnh Tiến - TIE</b>		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	17.190.846.928	-
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EXIM</b>		
Góp vốn	2.511.400.000	-

## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 32 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau :

	Số cuối quý	Số đầu năm
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư TIE -EXIM</b>		
Tiền cho vay	-	609.000.000
<b>Cộng nợ phải thu</b>	<b>-</b>	<b>609.000.000</b>

Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản phải thu từ các bên liên quan.

## 2. Thông tin bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là kinh doanh màn hình vi tính và sản phẩm tập Vĩnh Tiến các loại tại thị trường Việt Nam.

## 3. Quản lý rủi ro tài chính

### Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán - Tài chính theo chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

### Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất và tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác và tiền gửi ngân hàng.

#### *Phải thu khách hàng*

Tập đoàn giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt hoặc có tài sản đảm bảo đối với các đơn vị giao dịch lần đầu hay chưa có thông tin về khả năng tài chính. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu của tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

#### *Các khoản phải thu khác*

Các khoản phải thu khác của Tập đoàn không đáng kể do đã được lập dự phòng gần hết. Ban Tổng giám đốc đánh giá rủi ro đối với khoản phải thu này là thấp.

#### *Tiền gửi ngân hàng*

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 32 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 1 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính ( xem thuyết minh VII.5 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính ).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá các tài sản tài chính như sau:

	<b>Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn nhưng không giảm giá</b>	<b>Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá</b>	<b>Cộng</b>
<b>Số cuối kỳ</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.958.329.180			86.958.329.180
Phải thu khách hàng	55.287.570.044	28.850.845.825	3.762.558.059	87.900.973.928
Các khoản phải thu khác	4.504.064.008		3.210.000.000	7.714.064.008
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	23.052.638.770		6.433.936.048	29.486.574.818
<b>Cộng</b>	<b>169.802.602.002</b>	<b>28.850.845.825</b>	<b>13.406.494.107</b>	<b>212.059.941.934</b>
<b>Số đầu năm</b>				
Tiền và các khoản tương đương tiền	96.414.163.868	-		96.414.163.868
Phải thu khách hàng	43.029.794.922	29.235.654.906	5.123.759.976	77.389.209.804
Các khoản phải thu khác	3.292.505.349	-	3.210.000.000	6.502.505.349
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	23.052.638.770	-	6.433.936.048	29.486.574.818
<b>Cộng</b>	<b>165.789.102.909</b>	<b>29.235.654.906</b>	<b>14.767.696.024</b>	<b>209.792.453.839</b>

**Rủi ro thanh khoản**

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Tập đoàn nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phải sinh ( bao gồm cả lãi phải trả ) trong vòng một năm.

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

**Rủi ro thị trường**

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm rủi ro về giá chứng khoán, rủi ro ngoại tệ, rủi ro về lãi suất và rủi ro về hàng hóa.

## CÔNG TY CỔ PHẦN TIE

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Quý 1 năm 2015

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 và ngày 31 tháng 03 năm 2014 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi tỷ giá, lãi suất, giá chứng khoán sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát thị trường tại thời điểm hiện tại.

#### *Rủi ro ngoại tệ*

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tài sản/( Nợ phải trả ) thuần có gốc USD của Tập đoàn như sau:

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền và các khoản tương đương tiền	4.223,72	4.219,09
Phải trả người bán	(735.474,68)	(239.480,00)
<b>(Nợ phải trả) thuần có gốc USD</b>	<b><u>(731.250,96)</u></b>	<b><u>(235.260,91)</u></b>

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

#### *Rủi ro lãi suất*

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường, đàm phán để có được các lãi suất có lợi nhất.

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015, Tập đoàn có các khoản vay với lãi suất thả nổi là 58.410.776.892 VND ( tại ngày 31 tháng 03 năm 2014 là 129.471.566.349 VND ).

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động lãi suất đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể.

#### *Rủi ro về giá hàng hóa*

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh để phòng ngừa rủi ro về giá hàng hóa.

#### *Tài sản đảm bảo*

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 Tập đoàn có tài sản tài chính đảm bảo là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tương đương 81,5 tỷ VND tại Ngân hàng TMCP Phương Đông để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn tại Ngân hàng này, tập đoàn không nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 03 năm 2015 và tại ngày 31 tháng 03 năm 2014.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 3 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

**4. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính***Tài sản tài chính*

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ		Số đầu năm		Số cuối kỳ	Số đầu năm
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng		
Tiền và các khoản tương đương tiền	86.958.329.180		96.414.163.868	-	86.958.329.180	96.414.163.868
Phải thu khách hàng	87.900.973.928	(3.762.558.059)	77.389.209.804	(3.762.558.059)	84.138.415.869	73.626.651.745
Các khoản phải thu khác	7.714.064.008	(3.210.000.000)	6.502.505.349	(3.210.000.000)	4.504.064.008	3.292.505.349
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	29.486.574.818	(6.433.936.048)	29.486.574.818	(6.433.936.048)	23.052.638.770	23.052.638.770
<b>Cộng</b>	<b>212.059.941.934</b>	<b>(13.406.494.107)</b>	<b>209.792.453.839</b>	<b>(13.406.494.107)</b>	<b>198.653.447.827</b>	<b>196.385.959.732</b>

*Nợ phải trả tài chính*

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ	58.410.776.892	76.212.534.263	58.410.776.892	76.212.534.263
Phải trả người bán	47.859.645.932	22.495.092.032	47.859.645.932	22.495.092.032
Các khoản phải trả khác	2.996.609.457	3.070.766.741	2.996.609.457	3.070.766.741
<b>Cộng</b>	<b>109.267.032.281</b>	<b>101.778.393.036</b>	<b>109.267.032.281</b>	<b>101.778.393.036</b>

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài

Giá trị hợp lý của các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.

**CÔNG TY CỔ PHẦN TIE**

Địa chỉ: 52 Thành Thái, Phường 12, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Quý 3 năm 2014

Bản thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính sẵn sàng để bán được niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá giao dịch công bố tại ngày kết thúc năm tài chính. Đối với tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này theo giá giao dịch thành công thu thập được.

Công ty chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2015

Người lập biểu



**Huỳnh Bảo Khánh**

Kế toán trưởng



**Phạm Thúy Oanh**

Tổng Giám đốc



**Vũ Quốc Vinh**